TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 168 */2026/QĐST/HNGĐ*

Khu vực 7, ngày 09 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 96/2026/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Khu C, phường Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm E, thôn N, xã V, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 15/2021, ngày 13/13/2017, tại UBND phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh cũ.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Anh Vũ Văn T và chị

Nguyễn Thị Thu H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Không có.

- **Về con riêng:** Xác định cháu Nguyễn Lê Tuệ L, sinh ngày 22/4/2022 không phải là con của anh Vũ Văn T, là con riêng của chị H. Chị H có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện đăng ký hộ tịch về nhân thân và các vấn đề khác có liên quan đến cháu Nguyễn Lê Tuệ L theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác, công nợ, công sức**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận anh T đã nộp đủ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001058 ngày 14/01/2026 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Hoàn trả lại anh T số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 7.*
- *Phòng THADS khu vực 7.*
- *CQ đã thực hiện việc ĐKKH*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định